

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM  
AN GIANG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22



# CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Quang Đẩu	Chủ tịch
Ông Lưu Bách Thảo	Thành viên
Ông Quách Thanh Bình	Thành viên
Ông Huỳnh Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Công Thụy	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Tuấn	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Quang Đẩu	Tổng Giám đốc
Ông Quách Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thụy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2013)


### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Huỳnh Quang Đẩu  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014. 

Số: *HLH* / VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Rau Quả Thực Phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 và số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang áp dụng chính sách phân bổ khoản lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa với số tiền là 9.535.617.423 đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần và giá trị phân bổ hàng năm sẽ được Ban Giám đốc Công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty. Theo đó, Công ty đã phân bổ lợi thế kinh doanh với số tiền là 2.463.367.834 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (từ ngày 01 tháng 6 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng). Nếu Công ty thực hiện phân bổ đều khoản lợi thế kinh doanh trong thời gian là 10 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng lên với số tiền là 1.509.806.092 đồng và lợi nhuận chưa phân phối lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm tương ứng với số tiền 1.509.806.092 đồng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề khác*

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính đã trình bày việc Công ty đang ghi nhận một khoản phải trả cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang với số tiền là 14.343.073.731 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 : 14.343.073.731 đồng). Đây là khoản chênh lệch giữa giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 so với thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 và khoản giá trị chênh lệch này vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1503-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>104.635.256.168</b>	<b>84.489.930.411</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>33.073.577.372</b>	<b>36.296.828.335</b>
1. Tiền	111		5.838.577.372	7.986.828.335
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.235.000.000	28.310.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.818.084.012</b>	<b>12.627.311.152</b>
1. Phải thu khách hàng	131		6.222.440.143	11.030.669.731
2. Trả trước cho người bán	132		212.620.300	1.239.099.431
3. Các khoản phải thu khác	135		383.023.569	357.541.990
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>61.099.815.269</b>	<b>33.992.990.603</b>
1. Hàng tồn kho	141		61.099.815.269	33.992.990.603
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.643.779.515</b>	<b>1.572.800.321</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.418.279.856	561.723.315
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.155.904.837	623.811.355
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		69.594.822	387.265.651
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>28.954.760.345</b>	<b>34.142.873.345</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.722.360.756</b>	<b>23.880.542.443</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	18.767.074.110	20.903.629.743
- Nguyên giá	222		93.506.504.130	89.972.491.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.739.430.020)	(69.068.861.487)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	2.914.606.486	2.951.480.676
- Nguyên giá	228		3.750.673.200	3.750.673.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(836.066.714)	(799.192.524)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		40.680.160	25.432.024
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.232.399.589</b>	<b>10.262.330.902</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	7.232.399.589	10.262.330.902
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>133.590.016.513</b>	<b>118.632.803.756</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Mẫu B 01-DN**


Đơn vị: VND

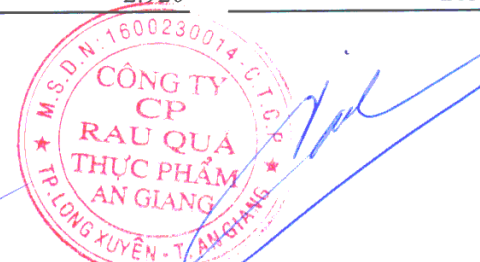
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (310=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>62.494.703.545</b>	<b>55.116.262.814</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.494.703.545</b>	<b>54.239.327.771</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	12.987.761.043	19.002.941.283
2. Phải trả người bán	312		9.381.171.177	5.970.624.028
3. Người mua trả tiền trước	313		4.892.318.033	2.301.475.817
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.657.088.563	1.037.311.758
5. Phải trả người lao động	315		1.359.287.635	1.246.674.448
6. Chi phí phải trả	316		6.671.104.000	840.441.240
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	23.465.193.477	22.555.752.520
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.080.779.617	1.284.106.677
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>876.935.043</b>
1. Vay và nợ dài hạn	336		-	876.935.043
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>71.095.312.968</b>	<b>63.516.540.942</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>71.095.312.968</b>	<b>63.516.540.942</b>
1. Vốn điều lệ	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.622.592.542	863.581.952
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.622.592.542	863.581.952
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		992.498.581	992.498.581
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.857.629.303	796.878.457
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+ 400)	<b>440</b>		<b>133.590.016.513</b>	<b>118.632.803.756</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		246.391	101.449
- Đồng Euro (EUR)		2.920	213

  
Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu

  
Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng

  
Huỳnh Quang Đẩu  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

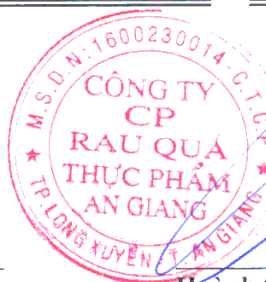
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	262.600.659.022	158.319.645.470
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.254.167
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>262.600.659.022</b>	<b>158.316.391.303</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	209.003.345.453	128.723.168.353
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>53.597.313.569</b>	<b>29.593.222.950</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.777.208.941	3.072.187.938
7. Chi phí tài chính	22	19	1.038.481.409	1.410.309.424
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		875.387.387	1.385.096.272
8. Chi phí bán hàng	24		23.308.912.506	9.585.781.063
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.719.692.383	8.674.412.596
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>17.307.436.212</b>	<b>12.994.907.805</b>
11. Thu nhập khác	31		2.313.716.532	2.598.455.478
12. Chi phí khác	32		67.411.853	583.856.211
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>20</b>	<b>2.246.304.679</b>	<b>2.014.599.267</b>
<b>14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>19.553.740.891</b>	<b>15.009.507.072</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	4.383.749.803	2.737.868.026
<b>16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>15.169.991.088</b>	<b>12.271.639.046</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>22</b>	<b>2.528</b>	<b>2.043</b>

  
Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu

  
Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng

  
Huỳnh Quang Đầu  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>19.553.740.891</b>	<b>15.009.507.072</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.557.523.227	8.686.155.900
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.360.712	(13.352.089)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.788.733.278)	(2.869.051.851)
Chi phí lãi vay	06	875.387.387	1.385.096.272
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>26.205.278.939</b>	<b>22.198.355.304</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	4.603.725.246	(6.595.023.405)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(27.106.824.666)	(12.203.434.607)
Thay đổi các khoản phải trả	11	11.237.532.517	(4.896.382.289)
Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	2.552.762.640	(1.200.674.347)
Tiền lãi vay đã trả	13	(875.387.387)	(1.385.096.272)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.743.966.309)	(2.020.291.770)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.660.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(824.398.703)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.873.120.980</b>	<b>(6.925.286.089)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(5.726.219.781)	(1.030.661.458)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	1.788.733.278	2.869.051.851
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.937.486.503)</b>	<b>1.838.390.393</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	119.402.077.988	96.045.124.819
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(126.301.334.271)	(100.001.283.233)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(5.274.024.355)	(8.936.922.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12.173.280.638)</b>	<b>(12.893.080.814)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.237.646.161)</b>	<b>(17.979.976.510)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>36.296.828.335</b>	<b>54.260.378.400</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	61	14.395.198	16.426.445
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>33.073.577.372</b>	<b>36.296.828.335</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 52.509.627 đồng (năm 2012 l: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

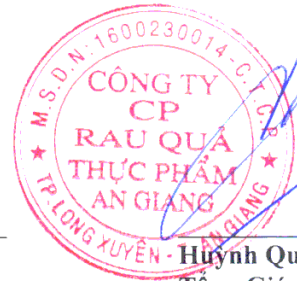
Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm số tiền 2.958.265.000 đồng (năm 2012: 6.651.077.600 đồng), là số cổ tức chưa được thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Bùi Phúc Lộc**  
Người lập biểu



**Ngô Thu Hà**  
Kế toán trưởng



**Huỳnh Quang Đẩu**  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang, là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty đã đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 1600230014 theo Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 6 năm 2011. Trụ sở đăng ký Công ty đặt tại số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 683 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 614 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: chế biến và bảo quản rau củ quả; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn thực phẩm; bán buôn đồ uống; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn gạo; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn, vay dài hạn, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	3 - 10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do chuyển đổi hình thức sở hữu và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh là khoản chênh lệch khi tiến hành xác định giá trị của Công ty cho mục đích chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần và giá trị phân bổ hàng năm sẽ được Ban Giám đốc Công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	544.466.090	240.425.846
Tiền gửi ngân hàng	5.294.111.282	7.746.402.489
Các khoản tương đương tiền	<u>27.235.000.000</u>	<u>28.310.000.000</u>
	<b><u>33.073.577.372</u></b>	<b><u>36.296.828.335</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng trong nước bằng Đồng Việt Nam với lãi suất 7% một năm (năm 2012: từ 8% đến 9% một năm).

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.571.324.831	2.698.773.994
Công cụ, dụng cụ	269.983.640	294.199.449
Thành phẩm	47.776.929.500	29.759.138.596
Hàng hoá	2.304.129.400	1.240.878.564
Hàng gửi đi bán	8.177.447.898	-
	<b><u>61.099.815.269</u></b>	<b><u>33.992.990.603</u></b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	24.276.425.544	61.362.461.755	3.104.990.814	1.228.613.117	89.972.491.230
Tăng trong năm	-	1.579.133.242	4.003.420.910	180.927.120	5.763.481.272
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.800.948)	(374.000.000)	(7.512.750)	(500.313.698)
Phân loại lại (*)	-	(1.247.715.587)	(52.675.500)	(428.763.587)	(1.729.154.674)
Tại ngày 31/12/2013	<u>24.276.425.544</u>	<u>61.575.078.462</u>	<u>6.681.736.224</u>	<u>973.263.900</u>	<u>93.506.504.130</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	18.389.176.794	47.496.041.480	2.434.236.164	749.407.049	69.068.861.487
Khấu hao trong năm	2.030.663.797	4.999.706.527	339.108.301	151.170.412	7.520.649.037
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.800.948)	(374.000.000)	(7.512.750)	(500.313.698)
Phân loại lại (*)	-	(976.337.185)	(52.675.500)	(320.754.121)	(1.349.766.806)
Tại ngày 31/12/2013	<u>20.419.840.591</u>	<u>51.400.609.874</u>	<u>2.346.668.965</u>	<u>572.310.590</u>	<u>74.739.430.020</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2013	<b><u>3.856.584.953</u></b>	<b><u>10.174.468.588</u></b>	<b><u>4.335.067.259</u></b>	<b><u>400.953.310</u></b>	<b><u>18.767.074.110</u></b>
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>5.887.248.750</u></b>	<b><u>13.866.420.275</u></b>	<b><u>670.754.650</u></b>	<b><u>479.206.068</u></b>	<b><u>20.903.629.743</u></b>

(\*) Thể hiện việc kết chuyển những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng nhưng vẫn còn sử dụng sang tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 45.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long  
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp nhà xưởng với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 20.831.700.119 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.831.700.119 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 22.917.616.990 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.448.823.303 đồng).

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn của các lô đất sau:

- 8.553 m<sup>2</sup> tại tỉnh lộ 944 xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang hiện sử dụng làm xưởng xử lý vỏ khóm Hòa Bình với giá trị là 2.497.476.000 đồng;
- 71,8 m<sup>2</sup> tại 155/9 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh hiện sử dụng làm văn phòng đại diện với giá trị là 1.253.197.200 đồng.

Tổng giá trị của các quyền sử dụng đất nêu trên là 3.750.673.200 đồng là số dư khoản mục tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 5 năm 2011 mà Công ty được bàn giao từ Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang khi cổ phần hóa.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh	7.072.249.589	9.535.617.423
Chi phí dự án của Tổ chức Phát triển Hà Lan	-	18.625.000
Chi phí của dự án Hỗ trợ Cạnh tranh Toàn cầu (GCF) (SNV)	-	291.736.032
Khác	160.150.000	416.352.447
	<u><u>7.232.399.589</u></u>	<u><u>10.262.330.902</u></u>

Công ty thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 và giá trị phân bổ hàng năm sẽ được Ban Giám đốc Công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty. Theo đó, Công ty đã phân bổ khoản giá trị lợi thế kinh doanh vào báo cáo lãi lỗ của năm 2013 với số tiền là 2.463.367.834 (năm 2012: 0 đồng).

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	12.110.826.000	18.102.941.283
Nợ dài hạn đến hạn trả	876.935.043	900.000.000
	<u><u>12.987.761.043</u></u>	<u><u>19.002.941.283</u></u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng vay số 61/2013/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2013 và đáo hạn ngày 14 tháng 6 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản nhà máy Mỹ An và chịu lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 12.110.826.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long  
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.579.306.926	939.523.432
Thuế thu nhập cá nhân	71.725.363	32.931.965
Thuế tài nguyên	1.961.400	1.708.080
Thuế nhà đất	4.094.874	63.148.281
	<u><b>1.657.088.563</b></u>	<u><b>1.037.311.758</b></u>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (*)	14.343.073.731	14.343.073.731
Chương trình hỗ trợ cạnh tranh toàn cầu (GCF)	-	157.500.000
Cổ tức phải trả	7.356.000.000	6.651.077.600
Khác	1.766.119.746	1.404.101.189
	<u><b>23.465.193.477</b></u>	<u><b>22.555.752.520</b></u>

(\*) Khoản phải trả cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang là khoản chênh lệch giữa giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 theo Biên bản định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đông Á so với thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 và khoản chênh lệch này chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại thời điểm lập báo cáo tài chính này.

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	6.000.000	6.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012
	<u>Cổ phiếu</u>	(%)	
Vốn thuộc sở hữu Nhà nước - Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang	2.942.400	49,04	29.424.000.000
Ông Lưu Bách Thảo	1.230.000	20,50	12.300.000.000
Ông Nguyễn Chí Tuấn	420.600	7,01	4.206.000.000
Các cổ đông khác	<u>1.407.000</u>	<u>23,45</u>	<u>14.070.000.000</u>
	<u><b>6.000.000</b></u>	<u><b>100</b></u>	<u><b>60.000.000.000</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>37.522.583</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>375.000.000</b>	<b>6.591.916.629</b>	<b>67.504.439.212</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.271.639.046	12.271.639.046
Phân phối quỹ trong năm	-	-	613.581.952	613.581.952	617.498.581	(2.458.244.437)	(613.581.952)
Quỹ thưởng Ban Quản lý và điều hành Công ty	-	-	-	-	-	(20.432.781)	(20.432.781)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(15.588.000.000)	(15.588.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	(37.522.583)	-	-	-	-	(37.522.583)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>863.581.952</b>	<b>863.581.952</b>	<b>992.498.581</b>	<b>796.878.457</b>	<b>63.516.540.942</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	15.169.991.088	15.169.991.088
Phân phối quỹ trong năm	-	-	759.010.590	759.010.590	-	(2.580.636.006)	(1.062.614.826)
Quỹ thưởng Ban Quản lý và điều hành Công ty	-	-	-	-	-	(528.604.236)	(528.604.236)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.622.592.542</b>	<b>1.622.592.542</b>	<b>992.498.581</b>	<b>6.857.629.303</b>	<b>71.095.312.968</b>

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 23 tháng 5 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 759.010.590 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.062.614.826 và Quỹ thưởng Ban Quản lý và điều hành Công ty với số tiền là 528.604.236 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013.

Theo Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 17 tháng 9 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm chia cổ tức của năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần tương ứng với số tiền 6.000.000.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức số tiền là 3.041.735.000 đồng cho các cổ đông và số cổ tức còn lại chưa chi trả tương ứng với số tiền là 2.958.265.000 đồng đang được ghi nhận trên tài các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc chi trả cổ tức và trích lập các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như năm trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và kỳ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả đã chế biến cho các khách hàng ở nước ngoài trong khi doanh thu do bán hàng trong nước chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng	253.424.672.748	142.029.268.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.175.986.274	16.290.376.748
	<u><u>262.600.659.022</u></u>	<u><u>158.319.645.470</u></u>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn hàng bán	200.997.405.503	116.216.189.441
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.005.939.950	12.506.978.912
	<u><u>209.003.345.453</u></u>	<u><u>128.723.168.353</u></u>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.831.257.992	86.465.249.030
Chi phí nhân công	52.999.381.014	31.188.245.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.557.523.227	8.686.155.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.694.009.334	21.057.353.942
Chi phí khác	13.949.778.775	6.182.549.725
	<u><u>247.031.950.342</u></u>	<u><u>153.579.553.806</u></u>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	1.670.096.915	2.869.051.851
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.107.112.026	189.783.998
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13.352.089
	<u><u>2.777.208.941</u></u>	<u><u>3.072.187.938</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lãi vay ngân hàng	875.387.387	1.385.096.272
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	155.733.310	25.213.152
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.360.712	-
	<u><b>1.038.481.409</b></u>	<u><b>1.410.309.424</b></u>

**20. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Thu thanh lý tài sản	140.817.454	29.545.772
Thu tiền phạt hợp đồng	-	500.000.000
Điều chỉnh giảm chi phí sử dụng vốn tạm tính từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011	-	1.458.013.287
Khác	2.172.899.078	610.896.419
	<u><b>2.313.716.532</b></u>	<u><b>2.598.455.478</b></u>
Tiền phạt vi phạm hành chính	2.258.777	159.048.088
Khác	65.153.076	424.808.123
	<u><b>67.411.853</b></u>	<u><b>583.856.211</b></u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u><b>2.246.304.679</b></u>	<u><b>2.014.599.267</b></u>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	19.553.740.891	15.009.507.072
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.893.110.382	1.685.541.731
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	152.258.777	320.834.408
Thu nhập chịu thuế	17.812.889.286	13.644.799.749
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.453.222.322	3.411.199.937
<b>Các khoản giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Khoản thuế được giảm do ưu đãi dự án đầu tư (*)	79.693.228	138.014.609
Khoản thuế được giảm 30% (**)	-	783.841.757
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.373.529.094	2.489.343.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung sau quyết toán	10.220.709	248.524.455
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>4.383.749.803</b></u>	<u><b>2.737.868.026</b></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

(\*) Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ đầu tư xây dựng kho lạnh với công suất 500 tấn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	15.169.991.088	12.271.639.046
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13.352.089
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15.169.991.088</b>	<b>12.258.286.957</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.528</b>	<b>2.043</b>

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>163.638.685</u>	<u>264.135.718</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	356.958.672	356.958.672
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.427.834.688	1.427.834.688
Sau năm năm	<u>6.404.659.363</u>	<u>6.772.619.760</u>
	<b>8.189.452.723</b>	<b>8.557.413.120</b>

Các khoản cam kết thuê hoạt động là các hợp đồng thuê đất cho văn phòng và nhà xưởng với giá thuê hàng năm từ 1.260 đồng/m<sup>2</sup> đến 420.000 đồng/m<sup>2</sup> được ký với thời hạn từ 30 năm đến 50 năm tính từ năm 1998. Tuy nhiên, giá trị các khoản cam kết thuê hoạt động này có thể thay đổi do các Cơ quan có thẩm quyền thay đổi đơn giá tiền thuê đất trong tương lai.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	12.987.761.043	19.879.876.326
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	33.073.577.372	36.296.828.335
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	71.095.312.968	63.516.540.942
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thụ nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.073.577.372	36.296.828.335
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.605.463.712	11.388.211.721
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>39.679.041.084</u></b>	<b><u>47.685.040.056</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	12.987.761.043	19.002.941.283
Phải trả người bán và phải trả khác	17.818.394.923	7.532.225.217
Vay dài hạn	-	876.935.043
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>30.806.155.966</u></b>	<b><u>27.412.101.543</u></b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long  
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ</b>	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	8.681.741.330	9.526.022.374	411.656.764	384.054.856
Đồng Euro (EUR)	84.649.753	5.736.740	47.089.250	44.187.000

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	413.504.228	457.098.376
Đồng Euro (EUR)	1.878.025	(1.922.513)

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

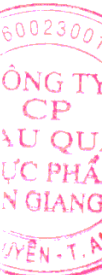
**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Số 69-71-73 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

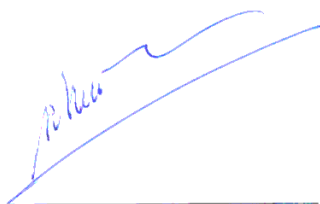
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.073.577.372	-	33.073.577.372
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.605.463.712	-	6.605.463.712
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.679.041.084</b>	<b>-</b>	<b>39.679.041.084</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	12.987.761.043	-	12.987.761.043
Phải trả người bán và phải trả khác	17.818.394.923	-	17.818.394.923
Vay dài hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.806.155.966</b>	<b>-</b>	<b>30.806.155.966</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.872.885.118</b>	<b>-</b>	<b>8.872.885.118</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.296.828.335	-	36.296.828.335
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.388.211.721	-	11.388.211.721
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.685.040.056</b>	<b>-</b>	<b>47.685.040.056</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	19.002.941.283	-	19.002.941.283
Phải trả người bán và phải trả khác	7.532.225.217	-	7.532.225.217
Vay dài hạn	-	876.935.043	876.935.043
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.535.166.500</b>	<b>876.935.043</b>	<b>27.412.101.543</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>21.149.873.556</b>	<b>(876.935.043)</b>	<b>20.272.938.513</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

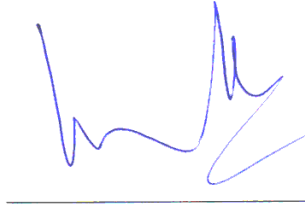
**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

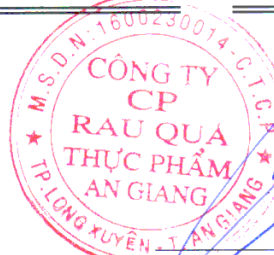
	2013 VND	2012 VND
Lương và các khoản thù lao	2.122.615.675	1.588.474.004



Bùi Phúc Lộc  
Người lập biểu



Ngô Thu Hà  
Kế toán trưởng



Huỳnh Quang Đâu  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014